

Số: 48/2025/QĐST- DS

Đồng Hới, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 15/12/2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T (VPBank).

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Đ, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý Khách hàng cá nhân 03 VPBank.

Những người được ủy quyền lại tham gia tố tụng:

1. Ông Lê Văn Tùng, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ VPBank;

2. Ông Đặng Nhật Linh, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ VPBank;

3. Ông Đào Tùng Lâm, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank;

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ VPBank.

5. Ông Lê Vũ Hoàng, chức vụ: Chuyên viên chính xử lý nợ VPBank

Cùng địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;
SĐT: 0904942.782.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn T, sinh năm 1984; cư trú: Thôn Đông Duyệt 2, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị. 0909.409403.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác định số tiền nợ phải thanh toán

Căn cứ Hợp đồng cho vay số: LN2312141224578, ký ngày 28/12/2023 và Hợp đồng cho vay số: LN2411194345935 ký ngày 29/11/2024; tính đến ngày 15/12/2025, ông Nguyễn T còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là **2.063.963.289 đồng** (*Hai tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng*), trong đó:

*. Nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số: LN2411194345935 ký ngày 29/11/2024: **404.391.616 đồng**

- Nợ gốc: 388.500.0000 đồng,
- Nợ lãi trong hạn: 15.373.150 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 204.329 đồng
- Lãi chậm trả lãi: 314.137 đồng.

*. Nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số: LN2312141224578, ký ngày 28/12/2023: **1.659.571.673 đồng**

- Nợ gốc: 1.596.136.000 đồng,
- Nợ lãi trong hạn: 62.678.740 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 747.933 đồng
- Lãi chậm trả lãi: 0 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 15/12/2025 cho đến khi trả hết nợ ông Nguyễn T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng T số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: LN2411194345935 ký ngày 29/11/2024 và Hợp đồng cho vay số: LN2312141224578, ký ngày 28/12/2023 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật

Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng đã ký các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì mức lãi suất mà ông Nguyễn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.2. Về thời hạn trả nợ và xử lý tài sản đảm bảo:

Ông Nguyễn T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ nêu trên (Số tiền nợ được xác định tại phần 2.1 của Quyết định này) theo lộ trình sau đây:

- Lần 1: Hạn cuối đến ngày 15/01/2026: Thanh toán số tiền 415.000.000 đồng (*Bốn trăm mười lăm triệu đồng*);

- Lần 2: Hạn cuối đến ngày 15/02/2026: Thanh toán số tiền nợ còn lại và toàn bộ tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh thêm kể từ sau ngày 15/12/2025 cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa tại các Hợp đồng cho vay số: LN2411194345935 ký ngày 29/11/2024 và số LN2312141224578, ký ngày 28/12/2023.

Trường hợp ông Nguyễn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng T có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 30, tại tiểu khu 2, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX908146, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05558 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2020, chủ sở hữu: ông Nguyễn T.

Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ của ông Nguyễn T tại Ngân hàng T thì ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng T

2.3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí:* Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% mức án phí với số tiền là án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T và ông Nguyễn T thỏa thuận ông Nguyễn T chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.639.633 đồng (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.347.111 đồng (*Ba mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm mười một đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0001299 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tài sản:* Ngân hàng T và ông Nguyễn T thỏa thuận ông Nguyễn T chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản là 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn*). Số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng và chi đủ nên ông Nguyễn T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng.

Kể từ ngày Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản thì ông Nguyễn T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND, THADS Khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mỹ Hạnh